

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 89/2022/HS-ST

Ngày: 05-9-2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Chúc Ngân

Bà Cao Thị Kim Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hằng là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2022, tại Hội trường A - Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 94/2022/TLST-HS ngày 05 tháng 8 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 83/2022/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 8 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Anh T, sinh năm 1995 tại Đồng Nai; nơi cư trú: Ấp L, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn A (Chết) và bà Lê Thị Thu H (1972); bị cáo là con thứ nhất trong gia đình có ba anh em; có vợ Phạm Thị Lan Tr (2000), chưa đăng ký kết hôn và có hai con, con lớn sinh năm 2018 và con nhỏ sinh năm 2019; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt phạm tội quả tang từ ngày 02/10/2021, tạm giữ từ ngày 03/10/2021 đến ngày 12/10/2021 bị tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Thống Nhất. (Có mặt)

2. Lê Thanh T1, sinh năm 1993 tại Đồng Nai; nơi cư trú: Số A, ấp L xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Đ (Chết) và bà Tống Thị L (1951); bị cáo là con út trong gia đình có mười chị em và chưa có vợ con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt phạm tội quả tang từ ngày 02/10/2021, tạm giữ từ ngày 03/10/2021 đến ngày 12/10/2021 bị tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Thống Nhất. (Có mặt)

3. Trần Hữu P, sinh năm 1997 tại Đồng Nai; nơi cư trú: Số B, ấp L, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần L1 (1972) và bà Nguyễn Thị T2 (1976); bị cáo là con thứ nhất trong gia đình có hai anh em và chưa có vợ con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt phạm tội quả tang từ ngày 02/10/2021, tạm giữ từ ngày 03/10/2021 đến ngày 12/10/2021 bị tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Thống Nhất. (Có mặt)

4. Trần Bách C, sinh năm 2000 tại Đồng Nai; nơi cư trú: Số C, ấp N, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Bách K (1974) và bà Phạm Thị Kiều Diễm H (1976); bị cáo là con thứ nhất trong gia đình có hai anh em và chưa có vợ con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/10/2021 đến ngày 12/10/2021 bị tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Thống Nhất. (Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- | | | |
|---|---------------|------------|
| 1. Ông Trần L1 | sinh năm 1972 | |
| Nơi cư trú: Số B, ấp L, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai. | | (Có mặt) |
| 2. Anh Lê Quốc N1 | sinh năm 1989 | |
| Nơi cư trú: Số D, ấp L, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai. | | (Vắng mặt) |

- *Người làm chứng:*

- | | | |
|---|---------------|------------|
| 1. Ông Trần Văn V | sinh năm 1962 | |
| Nơi cư trú: Ấp L, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai. | | (Vắng mặt) |
| 2. Ông Nguyễn Thân D | sinh năm 1969 | |
| Nơi cư trú: Ấp L, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai. | | (Vắng mặt) |
| 3. Anh Nguyễn Viết N | sinh năm 1991 | |
| Nơi cư trú: Số E, ấp N, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai. | | (Vắng mặt) |
| 4. Chị Lê Thị Thu X | sinh năm 1981 | |
| Nơi cư trú: Ấp L, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai. | | (Vắng mặt) |
| 5. Bà Lê Thị Thu H | sinh năm 1972 | |
| Nơi cư trú: Ấp L, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai. | | (Có mặt) |

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tối ngày 02/10/2021, Lê Thanh T1 điều khiển xe mô tô biển số 60B7-428.00 chở Trần Bách C đi gặp một người tên Thức (không rõ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể) ở ấp B, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai để mua 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng) ma túy đá được đựng trong hai ống nhựa màu xanh về sử dụng.

Khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, Trần Hữu P điều khiển xe mô tô biển số 60B7-606.73 đến nhà Nguyễn Anh T để sử dụng ma túy, do không có ma túy nên

P gọi điện thoại cho T1 rồi đưa cho Tú nói chuyện với T1 để nhờ T1 mua dùm cho Phúc 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) ma túy đá để về nhà T sử dụng.

Sau khi mua được ma túy, Chương quay về nhà. Trên đường đi về, T1 nhận được điện thoại của T nhờ T1 mua dùm ma túy cho P để sử dụng, thấy có sẵn ma túy vừa mới mua nên T1 đồng ý. Mặc dù biết P mua ma túy về nhà mình sử dụng, nhưng T vẫn giúp Phúc gọi điện thoại cho T1 nhờ mua ma túy đá và gọi T1 đưa ma túy vừa mua được về nhà mình để sử dụng.

Khi T1 đến, T1 đưa cho T một ống nhựa màu xanh chứa ma túy, T cắt ống ma túy đổ một ít vào dụng cụ để sử dụng rồi hàn kín ống ma túy đưa lại cho T1, T1 để ống ma túy dưới nền nhà. Khi sử dụng hết ma túy trong dụng cụ, T1 không lấy ống ma túy để trên nền nhà mà lấy ống nhựa màu xanh chứa ma túy còn lại T1 đang cất trong túi áo của mình đổ hết vào dụng cụ để tiếp tục sử dụng, vỏ của ống ma túy T1 dùng quẹt lửa đốt cháy và vứt ra ngoài.

Quá trình điều tra xác định được căn nhà mà T, T1 và P sử dụng trái phép chất ma túy là nhà của chị Lê Thị Thu X (dì ruột của T). Sáng ngày 02/10/2021, chị X nhờ T dọn dẹp và trông coi căn nhà trên (do nhà của T ở bên cạnh với nhà của chị X) và được T đồng ý.

Khoảng 22 giờ ngày 02/10/2021 tại nhà của chị X, Công an huyện Thống Nhất bắt quả tang Nguyễn Anh T, Lê Thanh T1 và Trần Hữu P đang thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Thu giữ tang vật gồm: Một ống nhựa hàn kín hai đầu, màu xanh chứa tinh thể màu trắng (nghĩ là ma túy) trên nền nhà và một dụng cụ sử dụng ma túy đá. Công an huyện Thống Nhất đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với T, T1, P và niêm phong tang vật thu giữ theo quy định đồng thời tiến hành xét nghiệm nhanh; kết quả T, T1, P dương tính với chất ma túy (Methamphetamine).

Đến ngày 03/10/2021, biết không thể trốn tránh sự truy cứu của pháp luật, Trần Bách C đã ra trình diện, đầu thú về hành vi phạm tội.

Tại Kết luận giám định số 1974/KLGD-PC09 ngày 10/10/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận: Mẫu tinh thể màu trắng được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng 0,1020 gam, loại Methamphetamine.

Tại Cáo trạng số 62/CT-VKS-TN ngày 04 tháng 8 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất truy tố Nguyễn Anh T về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm d khoản 2 Điều 256 và điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự; truy tố Lê Thanh T1, Trần Hữu P và Trần Bách C về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

+ Điểm d khoản 2 Điều 256; điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo T từ 07 (Bảy) năm đến 08 (Tám)

năm tù về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” và từ 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tổng hợp hình phạt từ 08 (Tám) năm đến 09 (Chín) năm 06 (Sáu) tháng tù.

+ Điểm c khoản 1 Điều 249 và điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo T1 từ 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng đến 02 (Hai) năm tù; xử phạt bị cáo P và bị cáo C mỗi bị cáo từ 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử quyết định về án phí hình sự sơ thẩm và xử lý vật chứng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không tham gia tranh luận, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của các bị cáo có trong hồ sơ vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thống Nhất, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo cũng như những người tham gia tố tụng khác khẳng định khai báo tự nguyện, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - anh Lê Quốc N1; người làm chứng - ông Trần Văn V, ông Nguyễn Thân D, anh Nguyễn Viết N và chị Lê Thị Thu X mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt (Anh N1 có đơn xin xét xử vắng mặt; ông V, ông D, anh N và chị X vắng mặt không rõ lý do). Căn cứ Điều 292 và Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] *Về tội danh và khung hình phạt:* Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội do mình thực hiện như nội dung bản Cáo trạng đã nêu, lời khai nhận tội này phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng; Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú; Kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Tội ngày 02/10/2021, tại ấp L, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai; Lê Thanh T1, Trần Bách C, Trần Hữu P và Nguyễn Anh T đã có hành vi tàng trữ 0,1020 gam, loại Methamphetamine. T biết

rõ P và T1 mua ma túy về nhà mình sử dụng nhưng T vẫn giúp P gọi điện thoại cho T1 nhờ T1 mua dùm cho P 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) ma túy. Buổi sáng cùng ngày 02/10/2021, chị Lê Thị Thu X (dì ruột của T) nhờ T dọn dẹp và trông coi căn nhà tại ấp L, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai (nhà của chị X ở kế bên nhà của T) và được T đồng ý nhưng T đã sử dụng căn nhà này cho T1 và P sử dụng trái phép chất ma túy. Khoảng 22 giờ cùng ngày, khi các đối tượng đang sử dụng trái phép chất ma túy thì bị Công an huyện Thống Nhất bắt quả tang cùng tang vật. Riêng Trần Bách C là người cùng với Lê Thanh T1 đi mua ma túy để T1 cùng sử dụng với P và T, nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên C đã ra đầu thú.

Như vậy, hành vi của Nguyễn Anh T thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm d khoản 2 Điều 256 Bộ luật Hình sự và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Hành vi của Lê Thanh T1, Trần Hữu P và Trần Bách C thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Điểm d khoản 2 Điều 256 Bộ luật Hình sự quy định:

“2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

...

d) Đối với 02 người trở lên;”

Điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

*c) Hêrôin, côcain, **Methamphetamine**, Amphetamine, MDMA có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;”*

Do đó, Cáo trạng số 62/CT-VKS-TN ngày 04 tháng 8 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất truy tố các bị cáo về tội danh và khung hình phạt như đã nêu trên là đúng người, đúng tội và không oan sai cho các bị cáo.

[3] *Về tính chất, mức độ hành vi của các bị cáo:* Xét tính chất của vụ án thấy rằng, tình hình tội phạm ma túy nói chung và trên địa bàn huyện Thống Nhất nói riêng có chiều hướng phức tạp, với tính chất ngày càng nghiêm trọng, gây nhức nhối cho xã hội và trở thành nỗi lo của nhiều gia đình. Hậu quả do tệ nạn ma túy gây ra rất nghiêm trọng, làm tổn hại sức khỏe của một bộ phận nhân dân, đồng thời là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước. Ma túy là chất

gây nghiện, người nghiện ma túy ảnh hưởng nghiêm trọng đến thể chất và tinh thần. Vì vậy, cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo để cải tạo, giáo dục các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

[4] *Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:*

Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bản thân các bị cáo phạm tội lần đầu, nhận thức pháp luật bị hạn chế; riêng bị cáo P là bộ đội phục viên, còn bị cáo C sau khi phạm tội đã ra đầu thú là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, là căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo khi lượng hình, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5] *Về quyết định hình phạt:* Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội nên cần tiếp tục cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội để các bị cáo có thời gian suy nghĩ về hành vi phạm tội của mình, tự giác cải tạo, học tập, lao động trở thành công dân sống lương thiện, có ích cho xã hội và biết tuân thủ pháp luật.

Căn cứ tính chất và mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo T ngoài hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy thì bị cáo còn có hành vi chứa chấp các bị cáo T1, P sử dụng ma túy tại nơi ở do mình quản lý nên bị cáo phải chịu mức hình phạt cao hơn các bị cáo khác. Đối với bị cáo T1 là người chủ động đi mua ma túy (số tiền là 800.000 đồng) về sử dụng; bị cáo P mặc dù không trực tiếp mua ma túy nhưng bị cáo P có nhờ bị cáo T nói với bị cáo T1 mua giúp cho P ma túy (số tiền 300.000 đồng) cũng để sử dụng, do đó khi quyết định hình phạt đối với bị cáo T1 cần cao hơn bị cáo P. Còn bị cáo C không sử dụng ma túy cùng với các bị cáo T, T1 và P nhưng bị cáo là người giúp cho bị cáo T1 đi mua ma túy về sử dụng (đồng phạm gián đơn) nên cần quyết định mức hình phạt của bị cáo C thấp hơn các bị cáo khác trong vụ án như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

[6] *Về hình phạt bổ sung:* Theo khoản 5 Điều 249 và khoản 3 Điều 256 Bộ luật Hình sự quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền...*”. Tuy nhiên, do các bị cáo không có thu nhập và tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] *Về vật chứng vụ án:*

- Một gói niêm phong số 1974/KLGD-PC09, bên trong chứa mẫu vật còn lại sau giám định (0,0725 gam) là vật cấm lưu hành và một dụng cụ sử dụng ma túy không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy;

- Một điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen (của bị cáo T1); một điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu đen (của bị cáo P) và một điện thoại di động

iPhone 5S màu bạc (của bị cáo C) là công cụ các bị cáo liên lạc để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước;

- Một xe mô tô hiệu Wave, biển số 60B7-428.00, màu trắng - đen bạc là phương tiện bị cáo T1 đi mua ma túy. Theo bị cáo, chiếc xe này bị cáo đã bán cho anh Lê Quốc N1 và anh N1 đã cung cấp được giấy mua bán xe. Anh N1 thừa nhận đã cho T1 mượn xe nhưng không biết bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thống Nhất đã trả lại cho anh N1 (Theo quyết định xử lý vật chứng số 05 ngày 29/11/2021 và Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 01/12/2021) là phù hợp.

- Một xe mô tô hiệu Honda loại Future, biển số 60B7-606.73, màu đen - bạc là tài sản của ông Trần L1 (cha của bị cáo P). Việc bị cáo sử dụng xe để thực hiện hành vi phạm tội thì ông L1 không biết, xe có giấy tờ hợp lệ nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thống Nhất đã trả lại cho chủ sở hữu (Theo quyết định xử lý vật chứng số 06 ngày 29/11/2021 và Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 01/12/2021) là có căn cứ.

[8] *Các vấn đề khác:*

- Đối với đối tượng tên T2 bán ma túy cho các bị cáo T1 và C. Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thống Nhất chưa xác định được đối tượng nên tiếp tục xác minh, làm rõ và xử lý sau.

- Đối với chị Lê Thị Thu X, do có nhu cầu dọn dẹp nhà cửa thuộc ấp L, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên chị X đã nhờ bị cáo T giúp dọn dẹp căn nhà và được T đồng ý. Chị X không biết việc T sẽ sử dụng căn nhà này cho các đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy nên không có căn cứ xác định vai trò đồng phạm của chị X trong vụ án.

- Đối với bị cáo Lê Thanh T1, sau khi mua ma túy xong bị cáo T1 nhận được điện thoại của bị cáo P do bị cáo T nói chuyện nhờ T1 mua giúp cho P 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) ma túy để sử dụng. Quá trình điều tra xác định, mục đích của các bị cáo mua và gửi mua ma túy là để cùng nhau sử dụng ma túy, không có thỏa thuận giao dịch mua bán và không hứa hẹn việc thanh toán cũng không xác định được ai là người thanh toán. Mặt khác, khối lượng ma túy thu giữ được không thể tách biệt được số lượng ma túy mà T1 đã mua và mua hộ cho P được nên chưa đủ cơ sở để kết luận hành vi của các bị cáo có dấu hiệu của tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

[9] Xét ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về phần tội danh, điều khoản truy tố và hình phạt là có căn cứ và phù hợp với các tình tiết của vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa nên chấp nhận.

[10] *Về án phí:* Các bị cáo là người bị kết án nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[11] *Về quyền kháng cáo:* Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm d khoản 2 Điều 256 và Điều 55 (áp dụng riêng đối với bị cáo Tú); điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; Điều 46; Điều 47; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 (áp dụng chung đối với các bị cáo) Bộ luật Hình sự;
- Điều 106; khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Anh T phạm tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh T 07 (Bảy) năm tù về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” và 01 (Một) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt là 08 (Tám) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/10/2021.

Tuyên bố các bị cáo Lê Thanh T1, Trần Hữu P và Trần Bách C phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Lê Thanh T1 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/10/2021.

Xử phạt bị cáo Trần Hữu P 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/10/2021.

Xử phạt bị cáo Trần Bách C 01 (Một) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/10/2021.

2. Về vật chứng vụ án:

Tịch thu tiêu hủy một gói niêm phong số 1974/KLGD-PC09, bên trong chứa mẫu vật còn lại sau giám định (0,0725 gam) và một dụng cụ sử dụng ma túy;

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước một điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen; một điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu đen và một điện thoại di động Iphone 5S màu bạc.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 12/01/2022 giữa Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất).

3. Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Anh T, Lê Thanh T1, Trần Hữu P và Trần Bách C mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông L1) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (anh N1) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Thống Nhất;
- CCTHADS huyện Thống Nhất;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thùy Trang